

LAO ĐỘNG NỮ TRONG CƠ CẤU DÂN SỐ NÔNG THÔN HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Ở nông thôn, địa vị người phụ nữ đã có những thay đổi đáng kể. Đó là thành quả của công cuộc giải phóng phụ nữ mà cách mạng xã hội chủ nghĩa đem lại. Trong các đội sản xuất ở nông thôn, phụ nữ có quyền tham gia lao động sản xuất và được hưởng sản phẩm cùng những quyền lợi khác bằng nam giới. Mặt khác, quá trình giáo dục mang tính ưu việt của chế độ ta cũng đã từng bước nâng cao trình độ học vấn của người phụ nữ nông thôn. Các kết quả được thông báo qua nghiên cứu cũng như qua thống kê cho phép khẳng định điều đó. Như vậy, thực tế cho thấy phụ nữ nông thôn đã tham gia vào các quá trình xã hội, điều mà trong các xã hội trước đây ở nông thôn, người phụ nữ không thể có được. Tuy nhiên, chân dung đầy đủ của người phụ nữ lại không thể thiếu được những nét gắn liền họ với cuộc sống gia đình.

Gia đình và xã hội là hai lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng đối với quỹ thời gian cùng người phụ nữ. Việc nghiên cứu quỹ thời gian của người phụ nữ nông thôn là rất cần thiết vì đó là một trong những chỉ báo không thể không tính đến khi nghiên cứu địa vị của họ. Cuộc nghiên cứu xã hội học năm 1979 ở Hải Vân, Hải Hậu, Hà Nam Ninh cho thấy: ở các lứa tuổi khác nhau, do đặc tính của từng gia đình, do tương quan nghề nghiệp và tương quan văn hóa giữa các cặp vợ chồng khác nhau, dẫn đến kết quả việc sử dụng thời gian của những người phụ nữ không giống nhau. Tuy vậy, kết luận chung vẫn là: “phần nhiệm vụ gia đình quan trọng nhất đặt lên vai người phụ nữ - dù đó là nhiệm vụ sản xuất hay nhiệm vụ nội trợ. Giờ giấc của họ đặc biệt căng thẳng”¹.

Điều trên cũng được khẳng định lại trong nghiên cứu xã Quyết Tiến, Thái Bình năm 1984. Việc phân tích cơ cấu dân số - lao động cũng cho một kết luận tương tự “do thiếu một số lượng nam giới rất lớn (cứ 100 phụ nữ ở độ tuổi trưởng thành từ 20 tuổi – 60 tuổi thì chỉ có 58,4 nam trong cùng độ tuổi) nên nữ giới phải đảm nhận một khối lượng công việc khá lớn trong gia đình cũng như ngoài xã hội mà đúng ra nam giới phải đảm nhận”².

Sự chênh lệch trong cơ cấu dân số lao động cùng với tính chất công việc đồng áng dẫn tới tình trạng phụ nữ phải tham gia vào rất nhiều khâu trong sản xuất lương thực. Cuộc điều tra xã hội học năm 1983 ở xã Tam Sơn, Hà Bắc đã cho con số về lao động nữ bỏ vào các công việc như sau:

1. *Hải Vân – Một xã ở Việt Nam*. Tài liệu của Viện Xã hội học năm 1979.

2. *Chung quanh tháp dân số của một xã đồng bằng Bắc Bộ*. Tạp chí xã hội học số 2 – 1984.

Loại công việc	Làm đất	Bón phân	Trừ sâu	Giống	Cấy	Chăm sóc	Thu hoạch
% lao động nữ	26,4	78,5	60,8	67,5	90,6	83,3	76,6

Nhìn vào bảng phân loại công việc trên, chúng ta nhận thấy đa số các loại việc đều có số phần trăm phụ nữ tham gia cao hơn nam giới đáng kể. Riêng khâu làm đất là khâu đòi hỏi sức khỏe và sử dụng trâu bò thì nam giới làm là chủ yếu; khâu trừ sâu có tính chất độc hại thì số phần trăm nam giới tham gia có cao hơn, còn lại các khâu khác lao động nữ gánh vác là chủ yếu. Các khâu do lao động nữ làm kéo dài gần như toàn bộ thời gian cho mỗi mùa lúa. Sự chênh lệch về số phần trăm giữa hai giới trong các khâu sản xuất thể hiện một phần sự mất cân đối về giới tính trong lao động ở nông thôn. Mặt khác, điều đó cũng đúng với tình hình phân công lao động hiện nay ở nông thôn. Đó là sự phân công lao động theo giới tính do chưa có sự can thiệp mạnh mẽ của quá trình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. Lao động nông nghiệp còn là lao động giản đơn, sử dụng công cụ thô sơ, vì vậy người lao động còn rất vất vả. Hàng loạt công việc, từ làm đất đến thu hoạch, người nông dân đều có thể là đảm nhận bằng lao động chân tay theo kinh nghiệm lâu đời của nhà nông. Hơn nữa, số lượng lao động nữ cao hơn trong các khâu sản xuất nông nghiệp thể hiện vai trò rất lớn của phụ nữ ở nông thôn đồng thời đó là phần việc nặng nề mà họ khó chia sẻ với người khác. Đàn ông nông thôn có ưu thế hơn phụ nữ về mặt thoát ly khỏi sản xuất nông nghiệp. Một phần tương đối lớn trong số họ đi làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và cũng bằng con đường này họ dễ dàng xin chuyển ngành mới không quay trở về nông thôn làm ruộng nữa. Cuộc điều tra ở xã Tam Sơn, Hà Bắc cho thấy: Trong số người thoát ly của cả xã, nam chiếm 77,6% và nữ chỉ có 22,4%. Nếu tính đến trình độ thoát ly ở xã này, chúng ta càng thấy rõ ưu thế của nam giới trong việc thoát ly. Với trình độ học vấn cấp I, phía nam giới có 12% người thoát ly trong khi phụ nữ hạn chế ở 7,5%. Sự thật là muốn thoát ly, chỉ có con đường duy nhất là nâng cao học vấn và thi đỗ vào một trường đào tạo chuyên môn nào đó. Song, đây là vấn đề khó đạt được ở đa số phụ nữ nông thôn do nhiều lý do khác nhau. Tình hình đó thể hiện rất rõ ở việc phân bổ vào các ngành nghề của những người thoát ly khỏi nông thôn ở xã Tam Sơn, Hà Bắc:

Giới tính	Nam			Nữ		
Nghề	Công nhân viên chức	Trí thức	Bộ đội	Công nhân viên chức	Trí thức	Bộ đội
Số %	43,4	21,8	35,5	60,0	31,8	7,6

Số năm đi bộ đội chiếm phần trăm không nhỏ trong số những người thoát ly khỏi nông thôn. Việc ra đi như vậy là hoàn toàn cần thiết và chính đáng. Nhà nước ta có chính sách ưu tiên đối với quân nhân sau khi họ hết nghĩa vụ và tạo điều kiện thuận lợi để họ tìm được việc làm trong các cơ quan hoặc xí nghiệp. Phần lớn

Quân nhân sau khi phục vụ trong quân đội đều chuyển ngành làm cán bộ, nhân viên hoặc công nhân chứ ít quay về sản xuất nông nghiệp. Do đó, phần việc ở nông thôn thường dồn hết vào tay phụ nữ.

Đó cũng là nguyên nhân hướng người phụ nữ nông thôn vào điều kiện lao động ở thành thị trong đó có sự phân công theo chuyên môn, và thời gian lao động được xác định. Mang nặng ý thức truyền thống về giá trị của đất đai, người phụ nữ nông thôn hầu như không mấy khi được rảnh rỗi, thư thái mặc dù nhịp điệu công việc của họ khiến cho những người ở đô thị luôn thấy họ là người không bị gò bó về mặt thời gian. Ngoài việc lao động trên mảnh đất của hợp tác xã, họ còn lao động trong vườn nhà hoặc ruộng phần trăm đồng thời họ cũng là người đóng vai trò quan trọng trong chăn nuôi gia đình. Với khối lượng công việc lớn như vậy, người phụ nữ nông dân phải dành rất nhiều thời gian lao động. Thời gian giành cho các hoạt động khác không còn là bao nhiêu, kể cả thời gian chăm sóc và dạy dỗ con cái. Chính ở đây các thế hệ con cháu của họ. Người phụ nữ đồng dân xã Quyết Tiến, Thái Bình không cho rằng đời sống ở đô thị có sự đảm bảo về lương thực, thực phẩm lúc nghỉ hưu là quan trọng. Chính vì vậy mà khi được hỏi về mục đích có con của họ thì 28,8% phụ nữ trả lời là để con chăm sóc lúc tuổi già. Đó là ý kiến cao nhất so với những ý kiến về các mục đích khác nhau trong bảng hỏi, kể cả mục đích có con để nối dõi tông đường cũng lùi lại hàng thứ hai: 20,3%. Mục đích đó thể hiện tầm quan trọng của đấng con trong mô hình văn hóa truyền thống “Trẻ cậy cha, già cậy con”.

Việc coi đấng con là chỗ dựa lúc tuổi già cũng như là nguồn nhân lực cho kinh tế gia đình khiến việc duy trì một mô hình gia đình có không ít hơn ba đấng con là điều có thể cắt nghĩa được. Ở xã Quyết Tiến, khi được hỏi về số con lý tưởng, có 37% phụ nữ trả lời là ba và 38% trả lời là bốn. Số con muốn có của người phụ nữ nông dân xã Quyết Tiến cũng xấp xỉ như vậy; 40,0% trả lời muốn có ba con và 29,0% trả lời muốn có bốn con. Nhu cầu về số con như vậy là cao hơn đáng kể so với kế hoạch hóa việc phát triển dân số của quốc gia. Số con cao cũng tạo ra trở ngại nhất định cho gia đình về khả năng nuôi nấng và dạy dỗ. Số con cao cũng tạo ra trở ngại nhất định cho gia đình về khả năng nuôi nấng và dạy dỗ. Mô hình số con của phụ nữ nông thôn xã Quyết Tiến thể hiện một phần hạn chế về mặt giao tiếp và sinh hoạt văn hóa của họ.

Tình hình trên đây tiếp tục chồng chất lên vai người phụ nữ nông dân gánh nặng lao động ở cả gia đình và xã hội. Điều này cản trở rất nhiều con đường bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc của họ.

Qua phân tích về điều kiện lao động của người phụ nữ nông dân ở một xã thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ, chúng tôi rút ra hai kết luận sau:

1. Nên có sự quan tâm cải thiện điều kiện lao động ở nông thôn, chú trọng việc cơ giới hóa để phụ nữ có thì giờ rảnh giải trí và tiếp xúc với các mô hình văn hóa mới tiến bộ hơn. Điều đó rất thiết thực đối với công cuộc giải phóng phụ nữ đồng thời mở ra một khả năng cho việc giáo dục dân số hiện nay.

2. Cùng với việc cải thiện điều kiện lao động ở nông thôn là chú trọng đến các phục vụ trong quân đội trở về nông thôn đảm bảo cho lao động ở nông thôn một sự cần đòi về giới tính cũng như đảm bảo cho hiệu quả kinh tế lâu dài, khi mà kinh tế nông nghiệp vẫn còn chiếm vị trí quan trọng như ở nước ta.